

Bản án số: 70/2020/KDTM-ST  
Ngày: 29/9/2020  
V/v “Tranh chấp hợp đồng  
phân phối”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Nhất Dũng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Thu Hằng
2. Bà Đỗ Thị A

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thảo Sương – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2020/TLST-KDTM ngày 22 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 189/2020/QĐXXST-KDTM ngày 21 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 160/2020/QĐST-KDTM ngày 10 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm sứ TA.

Trụ sở: Khu công nghiệp A, xã B, huyện C, tỉnh D.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Thanh C – Theo văn bản ủy quyền lập ngày 29/6/2020 (Có mặt)

**2. Bị đơn:** Công ty TNHH DH PD

Trụ sở: đường E, Phường F, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:* Ông Nguyễn Hồng V - Theo văn bản ủy số 05/2020/GUQ-PĐ ngày 05/8/2020 (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 29/6/2020 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, đại diện nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thanh C trình bày:

Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm sứ TA (sau đây gọi là Công ty TA) và Công ty TNHH DH PD (sau đây gọi là Công ty PD) là đối tác kinh doanh, theo đó Công ty TA là bên bán, cung cấp gạch còn công ty PD là bên mua, phân phối gạch. Công ty TA đã giao hàng đầy đủ cho Công ty PD với tổng giá trị tiền hàng là

393.210.240 đồng. Ngày 7/5/2019 hai bên đã thực hiện việc đối chiếu công nợ và thống nhất với số tiền trên.

Vào các ngày 03/6/2019, ngày 06/12/2019 Công ty PD thanh toán lần lượt số tiền là 30.000.000 đồng và 15.210.900 đồng, tổng số tiền đã thanh toán là 45.210.900 đồng. Ngày 04/11/2019, Công ty PD trả số hàng và Công ty TA đồng ý nhận, giá trị hàng nhận lại là 256.750.908 đồng. Vậy số tiền Công ty PD còn nợ lại là 91.248.432 đồng. Kể từ lần thanh toán công nợ vào ngày 6/12/2019 mặc dù đã nhiều lần yêu cầu thanh toán nhưng Công ty PD không thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền còn lại.

Yêu cầu Công ty PD thanh toán số tiền giao hàng còn thiếu là 91.248.432 đồng và lãi suất chậm trả tính từ ngày 7/5/2019 đến ngày 7/8/2020 theo mức lãi suất là 10%/năm, số tiền là 11.406.054 đồng, Tổng cộng yêu cầu thanh toán một lần số tiền 102.654.486 đồng.

Theo bản tự khai ngày 07/8/2020 của Công ty PD có ông Nguyễn Hồng V đại diện trình bày:

Đối với số tiền gốc còn nợ lại là 91.248.432 đồng thì giữa hai bên chưa đối chiếu chứng từ giao nhận hàng và đang yêu cầu Công ty TA giảm ½ số nợ gốc do chưa bán được hàng nên đề nghị được thanh toán ½ số nợ gốc. Đối với tiền lãi chậm trả thì không đồng ý trả vì bị đơn không có nghĩa vụ thanh toán khoản tiền lãi này.

Tại phiên tòa:

Đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến. Yêu cầu Công ty PD thanh toán số tiền nợ gốc là 91.248.432 đồng và phải trả lãi do chậm trả theo lãi suất cơ bản là 10%/năm từ ngày 07/5/2019 đến ngày 29/9/2020 là 12.749.434 đồng, tổng cộng là 103.997.866 đồng, yêu cầu thanh toán một lần toàn bộ khoản nợ trên.

Bị đơn công ty TNHH DH PD vắng mặt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án:**

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền phân phối hàng còn nợ nên có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa hai bên là “Tranh chấp về hợp đồng phân phối”. Bị đơn có trụ sở tại Quận 10 nên tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10 theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

#### **[2] Về thủ tục tố tụng:**

Ngày 27/9/2020, bị đơn có đơn xin hoãn phiên tòa. Xét, Bị đơn đã được Tòa án triệu lệ hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, lý do vắng mặt không thuộc trường hợp vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét

xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

**[3] Về yêu cầu của nguyên đơn:**

Xét thấy, ngày 30/10/2018 Công ty TA và Công ty PD ký hợp đồng phân phối, cụ thể Công ty PD sẽ làm nhà phân phối sản phẩm TEKKNIA cho Công ty TA. Thực hiện hợp đồng, Công ty TA đã giao hàng và xuất hóa đơn đầy đủ cho Công ty PD. Căn cứ biên bản đối chiếu công nợ hai bên xác nhận ngày 07/5/2019 thì Công ty PD hiện còn nợ Công ty TA số tiền còn lại là 91.248.432 đồng là có cơ sở nên chấp nhận.

Đối với ý kiến của bị đơn cho rằng số tiền nợ gốc 91.248.432 đồng thì giữa hai bên chưa đối chiếu chứng từ giao nhận hàng là không có cơ sở. Bởi lẽ ngày 07/5/2019 hai bên đã ký xác nhận biên bản đối chiếu công nợ, số tiền là 393.210.240 đồng. Sau đó, ngày 04/11/2019 Công ty PD trả số hàng và Công ty TA đồng ý nhận, giá trị hàng nhận lại là 256.750.908 đồng đã được hai bên ký xác nhận. Vậy số tiền Công ty PD hiện còn nợ lại Công ty TA là 91.248.432 đồng.

- Về yêu cầu tính lãi của đại diện nguyên đơn: Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 07/5/2019 đến ngày 29/9/2020 theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước Việt Nam là 10%/năm, với số tiền là 12.749.434 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu này phù hợp với Điều 306 Luật thương mại 2005 nên chấp nhận.

Từ những nhận định trên, buộc Công ty TNHH PD phải thanh toán cho Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm sứ TA số tiền là 103.997.866 đồng. Thanh toán 01 lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

**[4] Về án phí:** Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 35; Điều 36; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Khoản 2 Điều 227; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào Điều 357, Điều 401, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;
- Căn cứ Điều 50; Điều 55, Điều 306 Luật Thương mại 2005.
- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và

sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn**

Buộc Công ty TNHH DH PD có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm sứ TA số tiền là 103.997.866 (Một trăm lẻ ba triệu, chín trăm chín mươi bảy ngàn, tám trăm sáu mươi sáu) đồng [Trong đó tiền nợ gốc 91.248.432 (Chín mươi một triệu, hai trăm bốn mươi tám ngàn, bốn trăm ba mươi hai) đồng, tiền lãi là 12.749.434 (Mười hai triệu, bảy trăm bốn mươi chín ngàn, bốn trăm ba mươi bốn) đồng]. Thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

**2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:**

- Công ty TNHH DH PD phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 5.199.893 (Năm triệu, một trăm chín mươi chín ngàn, tám trăm chín mươi ba) đồng.

- Hoàn lại cho Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm sứ TA số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.493.104 (Ba triệu, bốn trăm chín mươi ba ngàn, một trăm lẻ bốn) đồng theo biên lai thu tiền tiền số 0014819 ngày 17/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng phải chịu lãi suất theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất theo qui định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng thời gian và số tiền chậm thi hành án; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 đối với số tiền chậm thực hiện tương đương với thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6;7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**4. Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày; đối với nguyên đơn kể từ ngày tuyên án, đối với bị đơn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

**Nơi nhận:**

- TAND TP.HCM,
- VKSND Q.10,
- Chi cục THADS Q.10,
- Các đương sự,
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Nhất Dũng**

